

Đức tin không biên giới: Vận hội và Thách thức trong Kỷ nguyên số

ISSN: 2734-9195 11:22 01/07/2026

Khi làn sóng văn hóa và đức tin từ Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Ấn Độ hay Đài Loan không ngừng tràn vào Nhật Bản, sợi dây gắn kết giữa người dân nơi đây với cội nguồn tôn giáo truyền thống ngày càng lỏng lẻo, đặc biệt là ở thế hệ trẻ.

1. Tác động của "*Kỷ nguyên thông tin*"

"*Kỷ nguyên thông tin*" đang thổi một luồng gió mới vào thế giới tâm linh, làm thay đổi sâu sắc cách các tôn giáo giảng dạy, truyền đạo và định hình đức tin. Ranh giới quốc gia giờ đây không còn là rào cản. Ngay cả những phong trào tâm linh non trẻ, quy mô nhỏ cũng có thể dễ dàng chạm đến trái tim của những tín đồ cách xa nửa vòng trái đất.

Sự cộng hưởng mạnh mẽ của công nghệ và niềm tin đang mở đường cho những bước phát triển tâm linh chưa từng có, dệt nên một bức tranh sống động về quá trình "*toàn cầu hóa **tôn giáo**.*"

Dù chưa thể vẽ trọn viễn cảnh tương lai, chúng ta đều thấy rõ một thực tế, dòng chảy thông tin tâm linh đang rẽ sang những ngả đường hoàn toàn mới. Mô hình giáo hội số, những cộng đồng đức tin trực tuyến đang thành hình. Kéo theo đó, các hoạt động thực hành và ngay cả các diễn ngôn giáo lý cũng sẽ biến đổi với tốc độ chóng mặt. Theo nghĩa này, tôn giáo nhân loại đang đứng trước một khúc quanh lịch sử vĩ đại.

Trước khi đi sâu vào những chuyển dịch lớn lao đó, tôi muốn cùng bạn nhìn lại bản chất của "*kỷ nguyên thông tin*" dưới góc nhìn của riêng mình. Dù là cụm từ cửa miệng của thời đại, khái niệm này lại biến hóa khôn lường tùy theo lăng kính của người định nghĩa. Từ thời điểm khởi phát cho đến nội hàm giá trị, mỗi cá nhân, mỗi ngành nghề lại có một câu trả lời riêng. Thậm chí, nếu lật lại câu hỏi sơ khai nhất: "*Bản chất thực sự của thông tin là gì?*", chúng ta sẽ ngay lập tức bước vào một mê lộ đầy những triết lý hóc búa.

Dù đứng ở góc độ nào, không ai có thể phủ nhận "*môi trường thông tin*" xung quanh chúng ta đã đảo lộn hoàn toàn chỉ trong hai thập kỷ qua. Để bóc tách sự chuyển dịch này, hãy cùng nhìn vào ba trục cốt lõi. Đầu tiên là cuộc cách mạng về "*phần cứng*" và công nghệ truyền tải. Tiếp đến là biên độ lan tỏa mở rộng đến mọi ngóc ngách của xã hội và địa lý. Cuối cùng là sự bùng nổ cả về số lượng lẫn nội hàm của thông điệp được sẻ chia. Ở cả ba phương diện, kỷ nguyên này đã tạo ra một bước nhảy vọt về chất so với quá khứ.

Bước ngoặt quyết định trong cách nhân loại kết nối được đánh dấu bởi sự ra đời và bùng nổ của máy tính. Chính vì vậy, "*thời đại máy tính cá nhân*" trở thành từ khóa định hình cho giai đoạn này. Chúng ta đang sống giữa hai dòng chảy song hành: sự lên ngôi của truyền thông đại chúng nghe - nhìn qua hệ thống vệ tinh, và sự phủ sóng chóng mặt của các thiết bị kết nối cá nhân như điện thoại di động. Vượt lên trên tất cả, vũ trụ "*truyền thông đa phương tiện*" (multimedia) đang bành trướng với tốc độ không tưởng, mở ra một không gian tương tác vô hạn.

Trước những dịch chuyển mang tính thời đại ấy, phản ứng nhạy bén đầu tiên của các tổ chức tôn giáo chính là sự thay đổi trong cách thức hoằng pháp. Không nằm ngoài guồng quay công nghệ, nhiều cộng đồng đức tin đã và đang nhanh chóng tích hợp "*truyền thông mới*" vào hành trình lan tỏa niềm tin của mình.

Một chương mới của kỷ nguyên thông tin chính là sự tái định vị về "*độ phủ*" - tức biên độ địa lý và xã hội của tri thức. Những kho tàng kiến thức trước đây vốn là đặc quyền bất khả xâm phạm của giới học giả, các hiệp hội chuyên môn hay các tầng lớp tinh hoa, thì nay đã không còn là tài sản độc quyền của những bộ tộc khép kín ấy. Mọi ranh giới xã hội đang bị san phẳng. Dòng chảy thông tin từng bị khóa chặt trong các hội nhóm giới hạn giờ đây đang tuôn chảy đến tay những "*người ngoại đạo*" qua những ngả đường vô tận.

Một làn sóng ngầm khác cũng đang âm thầm thay đổi bản chất của truyền thông: sự chuyển dịch về nội hàm tri thức. Khi các mạng lưới kết nối mới ra đời và thay thế các cấu trúc xã hội cũ, thông tin không chỉ đa dạng hơn mà còn tái định hình lại cách con người tiếp cận nhận thức. Chúng ta đang tiến tới một kỷ nguyên kỳ lạ: nơi những người tay ngang sở hữu khối lượng kiến thức chuyên sâu vượt xa cả giới chuyên gia. Trong thế giới tâm linh, viễn cảnh một tín đồ bình thường am tường giáo lý, sở hữu tri thức phong phú hơn cả các bậc tăng lữ, linh mục hay mục sư là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Tôi gọi hiện tượng này là "*sự đảo ngược vị thế trí tuệ*" - một xu hướng tất yếu sẽ bùng nổ mạnh mẽ trong tương lai.

Giữa dòng chảy biến đổi về chất của thông tin, việc làm chủ dữ liệu đang trở thành chìa khóa vĩ đại để con người đạt được mọi tham vọng, từ chính trị, kinh tế cho đến văn hóa. Đáng buồn thay, trong nhiều trường hợp, việc thấu hiểu thuật toán, biết cách thu thập và thao túng thông tin lại đang lấn lướt giá trị của những cuộc gặp gỡ trực tiếp, của việc thấu cảm và xây dựng niềm tin sâu sắc giữa người với người. Đáng sợ hơn, xu thế thực dụng này đã bắt đầu len lỏi và bén rễ ngay trong cả những không gian thiêng liêng nhất của tôn giáo. Nhìn từ lăng kính này, không thể phủ nhận rằng kỷ nguyên thông tin đang dẫn dắt nhân loại vào một cuộc đại chuyển dịch văn hóa chưa từng có trong lịch sử.

2. Toàn cầu hóa tôn giáo

Tiếp theo, tôi muốn cùng bạn bóc tách những biến động của đời sống tôn giáo trong kỷ nguyên số dưới lăng kính của "*toàn cầu hóa*". Tương tự như nhiều khái niệm thời thượng khác, thuật ngữ này thường bị hiểu sai hoặc đánh đồng một cách mơ hồ. Người thì coi nó đơn thuần là "*quốc tế hóa*", kẻ lại định nghĩa nó như một hiện tượng "*xóa nhòa biên giới*". Để tìm một điểm tựa lý luận vững chắc cho lĩnh vực tôn giáo, tôi đã tìm thấy sự đồng điệu lớn trong các nghiên cứu gần đây của Roland Robertson (1938–2022) - nhà xã hội học lừng danh người Scotland. Cùng chung nhãn quan với Robertson, tôi cho rằng cần phải vạch một ranh giới rõ ràng, rạch ròi giữa "*toàn cầu hóa*" và "*quốc tế hóa*".

Dù quốc tế hóa và toàn cầu hóa có những giao điểm tương đồng, nhưng để giải mã thực tại, chúng ta cần nhìn nhận chúng như hai tiến trình độc lập về bản chất. Hiểu theo nghĩa đen, quốc tế hóa là việc thắt chặt và làm sâu sắc hơn sợi dây liên kết giữa các quốc gia. Trong khi đó, bản chất của toàn cầu hóa lại là sự vượt thoát, thậm chí là xóa nhòa mọi ranh giới biên thùy. Có thể nói, thế giới hiện đại đang vận hành song song cả hai dòng chảy này; chúng tách biệt nhau nhưng lại giao cắt một cách tinh tế tại những điểm chạm thời đại.

Tiến trình toàn cầu hóa văn hóa không diễn ra đồng nhất mà mang những sắc thái riêng biệt tùy thuộc vào từng mảnh ghép cụ thể. Sự dịch chuyển trong các địa hạt gắn liền với ngôn ngữ - như chữ viết hay văn học dân tộc - chắc chắn sẽ rất khác so với những lĩnh vực phi ngôn ngữ như âm nhạc hay vũ đạo. Riêng với tôn giáo, hình thái mà toàn cầu hóa sẽ khoác lên mình vẫn còn là một bức tranh mờ nhạt. Dẫu vậy, vượt qua mọi rào cản dự báo, toàn cầu hóa văn hóa vẫn mang những đặc tính cốt lõi của dòng chảy thời đại: sự lung lay và biến mất của những ranh giới giữa các quốc gia, xã hội và sắc tộc, cùng với đó là sự cộng hưởng đồng thời của các sự kiện trên quy mô toàn cầu. Và cần phải nói thêm rằng, nguyên lý vận hành đằng sau tất cả những biến động này chính là quy luật cạnh tranh khốc liệt của một thị trường tự do.

Tiến trình toàn cầu hóa **văn hóa** không diễn ra đồng nhất mà mang những sắc thái riêng biệt tùy thuộc vào từng địa hạt cụ thể. Sự dịch chuyển trong các không gian gắn liền với ngôn ngữ - như chữ viết hay văn học dân tộc - chắc chắn sẽ rất khác so với những lĩnh vực phi ngôn ngữ như âm nhạc hay vũ đạo. Riêng với tôn giáo, hình thái mà toàn cầu hóa sẽ khoác lên mình vẫn còn là một bức tranh mờ nhạt. Dẫu vậy, vượt qua mọi rào cản dự báo, toàn cầu hóa văn hóa vẫn mang những đặc tính cốt lõi của dòng chảy thời đại: sự lung lay và biến mất của những ranh giới giữa các quốc gia, xã hội và sắc tộc, cùng với đó là sự cộng hưởng đồng thời của các sự kiện trên quy mô toàn cầu. Và cần phải nói thêm rằng, nguyên lý vận hành đằng sau tất cả những biến động này chính là quy luật cạnh tranh khốc liệt của một thị trường tự do.

Khi áp dụng nhãn quan toàn cầu hóa này vào tôn giáo, một viễn cảnh rõ rệt hiện ra: các hình thái tâm linh truyền thống - vốn gắn liền với căn tính lịch sử và văn hóa bản địa - đang dần lùi lại phía sau. Thế chỗ cho sự khu biệt ấy là một cục diện mới, nơi hoạt động của các tổ chức tôn giáo mang đậm tính chất của một cuộc cạnh tranh tự do trên quy mô toàn cầu. Không dừng lại ở đó, xu thế này còn hứa hẹn tạo ra những cuộc đại chuyển dịch, làm lung lay tận gốc rễ cấu trúc nghìn năm của các tôn giáo lâu đời.

Việc một tôn giáo vươn mình bứt phá mà không chịu sự ràng buộc của bất kỳ biên giới quốc gia hay căn tính sắc tộc nào vốn không phải là điều xa lạ. Về bản chất, tôn giáo luôn sở hữu thứ năng lực sinh tồn nội tại mạnh mẽ như thế. Tuy nhiên, điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây là: toàn cầu hóa chỉ thực sự diễn ra sau khi các nhánh, các hệ phái của những "*tôn giáo thế giới*" - như Kitô giáo, Hồi giáo và Phật giáo - đã định hình xong vùng ảnh hưởng văn hóa tâm linh của mình trên bản đồ nhân loại. Ở bất kỳ đâu, người ta cũng dễ dàng nhìn thấy sợi dây liên kết chặt chẽ giữa tôn giáo với thể chế nhà nước hoặc đặc trưng sắc tộc. Chính mối giao hòa này đã thúc đẩy các tổ chức tôn giáo tự chuyển mình để thích ứng với lòng đất bản địa.

Chẳng hạn, cùng một cội nguồn Phật giáo Đại thừa, nhưng xã hội Hàn Quốc và Nhật Bản lại chứng kiến những chức năng xã hội hoàn toàn khác biệt của hệ phái này. Mỗi vùng đất trên thế giới có thể được định danh bằng một bản đồ phân bố tâm linh độc lập, nơi tôn giáo trong lòng mỗi quốc gia, mỗi sắc tộc đều mang một nét cá tính độc nhất vô nhị.

Trong bối cảnh ấy, toàn cầu hóa tôn giáo chính là một cuộc đại tái thiết cục diện tâm linh toàn cầu, xoay quanh ba chiều kích cốt lõi. Đầu tiên, nó thúc đẩy sự chuyển mình tất yếu của từng tổ chức tôn giáo độc lập. Tiếp đó, nó sản sinh ra những sắc thái hoàn toàn mới trong nội hàm giáo lý, nghi lễ và các phương

thức thực hành. Cuối cùng, làn sóng này sẽ thay đổi chính những con người đang gìn giữ ngọn lửa đức tin, đặc biệt là trong thế giới quan trí thức của họ.

Ở phần tiếp theo, tôi sẽ làm rõ ba luận điểm này qua những lát cắt thực tế sống động tại Nhật Bản, Châu Á và Hoa Kỳ.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm).

3. Những chuyển biến trong tổ chức tôn giáo

Câu hỏi đầu tiên tôi muốn mổ xẻ ở đây là: Loại hình tổ chức nào sẽ nắm giữ vị thế thượng phong trong làn sóng toàn cầu hóa? Một mô hình điển hình đã lộ diện qua khái niệm "*Tôn giáo đa quốc gia*" (Multinational religion). Thuật ngữ này được đề xuất vào giữa thập niên 1980 bởi Nakamaki Hirochika - giáo sư danh dự, nhà nhân loại học kiêm tôn giáo học lừng danh Nhật Bản - nhằm phác họa sự bành trướng và vận hành toàn cầu của các Tôn giáo Mới tại Brazil (như Perfect Liberty Kyodan hay Tenrikyo).

Dù khái niệm này rõ ràng được vay mượn từ thuật ngữ kinh tế "*tập đoàn đa quốc gia*", nhưng nó không dừng lại ở một phép ẩn dụ đơn thuần. Nó dựa trên một nhãn quan thực tế: bối cảnh toàn cầu hóa đang tác động lên cả hoạt động kinh doanh của các tập đoàn lẫn chiến dịch cải đạo của các tổ chức tâm linh. Giống như việc một doanh nghiệp sở hữu chiến lược toàn cầu tất yếu sẽ trở thành công ty đa quốc gia, một cộng đồng tôn giáo mang tầm nhìn toàn cầu - dù là cổ đại hay tân thời - việc bước đi trên lộ trình đa quốc gia cũng là một đặc tính hoàn toàn tự nhiên.

Xét về mặt cấu trúc, một tôn giáo đa quốc gia vận hành dựa trên hệ thống truyền giáo hiện đại, nơi các chi nhánh tại mỗi nước được trao quyền tự chủ bán độc lập để linh hoạt thích ứng với bối cảnh văn hóa, xã hội sở tại. Dẫu vậy, chúng vẫn giữ mối liên kết hữu cơ chặt chẽ với nhau nhằm hướng tới mục tiêu bành trướng quy mô trên toàn cầu.

Trong số các đại diện đến từ Nhật Bản, Soka Gakkai (Sáng Giá Học Hội), Giáo hội Đời đại Cứu thế (Sekai Kyūsei Kyō), Sukyo Mahikari hay Perfect Liberty là những minh chứng điển hình đang trên lộ trình đa quốc gia hóa. Tiêu biểu như Soka Gakkai - phong trào Phật giáo tại gia theo tông phái Nichiren - đã thiết lập mạng lưới toàn cầu dưới định danh Soka Gakkai Quốc tế (SGI). Bản đồ này bao gồm các pháp nhân độc lập như Soka Gakkai Pháp hay Soka Gakkai Mỹ vận hành dưới tư cách các tổ chức chị em. Mặc dù tổng bộ tại Nhật Bản đóng vai trò là cơ quan đầu não điều phối, mỗi nhánh quốc gia đều có toàn quyền chủ động kiến tạo các hoạt động để phù hợp nhất với đặc thù bản địa.

Tại Nhật Bản, mầm mống của các tổ chức tôn giáo thuộc giai đoạn "*tiền đa quốc gia*" đã nhen nhóm ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Dù một số hệ phái từng vươn vòi ra quốc tế từ trước chiến tranh, nhưng mục tiêu của họ lúc bấy giờ chủ yếu chỉ gói gọn trong cộng đồng kiều bào tại châu Mỹ, hoặc những vùng đất châu Á nằm dưới quyền kiểm soát chính trị, quân sự của Nhật Bản. Làn sóng di dân tiền chiến đến Hawaii và châu Mỹ đã mang theo khát khao duy trì các nghi lễ tâm linh cội nguồn của người Nhật.

Song song với đó, sự hiện diện của người Nhật tại Triều Tiên, Đài Loan hay Trung Hoa đại lục cũng mở đường cho một chiến lược khác: chính phủ muốn dựng các đền thờ Thần đạo (Shinto) tại thuộc địa, còn các tăng sĩ Phật giáo cũng bắt đầu hành trình hoằng pháp tại đây. Hệ quả là, hàng loạt đền đài, chùa chiền Nhật Bản đã mọc lên tại Triều Tiên và Đài Loan thời thuộc địa, mà đối tượng phụng đạo hầu hết đều là người Nhật di cư.

Sau khi Nhật Bản bại trận trong Thế chiến thứ hai, mạng lưới **tâm linh** của họ tại châu Á gần như bị xóa sổ hoàn toàn, trong khi các cơ sở tại châu Mỹ vẫn kiên cường tồn tại. Sự phân hóa này bắt nguồn từ một thực tế phũ phàng: các tôn giáo đó đã bị người bản địa châu Á khước từ.

Tuy nhiên, cục diện đã đảo chiều từ sau năm 1955, khi Nhật Bản bước vào kỷ nguyên tăng trưởng kinh tế thần kỳ. Làn sóng xuất khẩu tâm linh ra thế giới bắt đầu hồi sinh mạnh mẽ. Hiện nay, có khoảng hai mươi hệ phái - gồm cả những cộng đồng quy mô rất nhỏ - đang tích cực lan tỏa tầm ảnh hưởng ra hải ngoại. Điểm khác biệt cốt lõi là các tổ chức này giờ đây đã chinh phục được một lượng lớn tín đồ không phải người Nhật, mở rộng địa bàn từ châu Mỹ sang khắp châu

Âu, châu Á và một phần châu Phi.

Dù sự vươn mình ra hải ngoại của các tôn giáo Nhật Bản gắn liền với bệ phóng kinh tế thần kỳ của quốc gia này, có một nghịch lý đáng kinh ngạc: chính các Tôn giáo Mới, chứ không phải các tông phái Phật giáo lâu đời hay Thần đạo Đền thờ, mới là những người tiên phong mở lối. Ngoại trừ một số ít tổ chức thuộc Thiền tông, đa số các trường phái truyền thống vẫn chọn co cụm, dồn lực phục vụ cộng đồng kiều bào hoặc người gốc Nhật.

Ngược lại, các tôn giáo mới lại chứng kiến sự bùng nổ không ngừng của tệp tín đồ bản xứ. Có thể nói, hầu hết các phong rào tâm linh mới của Nhật Bản đều mang trong mình thứ mã gene tiềm ẩn để tiến hóa thành những tập đoàn tôn giáo đa quốc gia.

Ở chiều ngược lại, các tập đoàn tôn giáo đa quốc gia ngoại quốc cũng đang rầm rộ đổ bộ vào Nhật Bản. Minh chứng điển hình là Giáo hội Thống nhất (nay là Liên đoàn Gia đình vì Hòa bình và Thống nhất Thế giới) - phong rào tân giáo do Mục sư Sun Myung Moon khai sinh tại Seoul, Hàn Quốc vào năm 1954. Giáo phái này đang không ngừng bành trướng tệp tín đồ tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ và nhiều quốc gia khác. Nhân chứng Giê-hô-va cùng đạo Mormon (Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ki-tô) cũng là những cái tên sừng sỏ trong danh sách này. Cả hai đều khởi phát tại Mỹ từ thế kỷ XIX và nhanh chóng toàn cầu hóa mô hình tổ chức trong thế kỷ tiếp theo. Rất có thể, nước Mỹ chính là chiếc nôi sản sinh ra các tổ chức tôn giáo đa quốc gia đầu tiên trên thế giới, nhờ vào sự hội tụ và giao thoa dày đặc của các dòng máu sắc tộc lẫn các hệ thống đức tin.

Phong trào Rajneesh - làn sóng tâm linh được khơi nguồn từ những năm 1960 bởi nhà huyền môn Ấn Độ Bhagwan Shree Rajneesh (người sau này lừng danh với tên gọi Osho) - cũng thường được coi là một hình mẫu tôn giáo đa quốc gia điển hình. Gần đây, một vài hệ phái Đạo giáo từ Đài Loan, chủ yếu thuộc nhánh Nhất Quán Đạo (Ikkando), cũng đã bắt đầu gieo mầm tại Nhật Bản.

Dù chưa thể khẳng định các phong trào Đạo giáo này có đi theo lộ trình đa quốc gia hóa hay không, nhưng tiềm năng của chúng là điều không thể phủ nhận. Đáng chú ý hơn, việc các đức tin Châu Á chọn Nhật Bản làm đất lành để bén rễ rất có thể sẽ trở thành một bệ phóng chiến lược, giúp họ toàn cầu hóa tầm ảnh hưởng ra toàn bộ không gian Châu Á rộng lớn hơn.

Bên cạnh mô hình đa quốc gia, loại hình tổ chức theo kiểu "*mạng lưới*" cũng hứa hẹn một tiềm năng bứt phá lớn trong tương lai. Tôn giáo mạng lưới không chọn con đường bành trướng bộ máy hay liên tục mở chi nhánh hải ngoại. Thay

vào đó, họ tìm kiếm sự đồng điệu trên toàn cầu qua các chiến dịch xã hội - tâm linh mang tính phổ quát, từ đó kết nối con người vào các phong trào vì hòa bình, bảo vệ môi trường hay cải cách xã hội. Ở mô hình này, việc phình to tổ chức chỉ là thứ yếu, mục tiêu tối thượng là sự dấn thân vào phong trào. Dù các hội nhóm dạng này còn khá thưa thớt, nhưng phong trào hòa bình do Bạch Quang Chân Không Hội (Byakko Shinko-kai) khởi xướng chính là một tấm gương phản chiếu điển hình.

Tương tự, một làn sóng hướng về "*thế giới tinh thần*" (seishin sekai) cũng đã trỗi dậy mạnh mẽ tại Nhật Bản từ những năm 1970. Chịu ảnh hưởng từ các phong trào "*Thời đại Mới*" (New Age) khởi phát tại Mỹ, xu hướng này tập trung vào việc đánh thức và nâng tầm "*tính tâm linh*" tự thân của mỗi con người. Chính bản chất phi thể chế này đã mang lại cho phong trào một nội lực to lớn để lan tỏa và kết nối trên quy mô toàn cầu.

Sự lên ngôi của kỷ nguyên đa phương tiện đang mở đường cho những hình thái tương tác kỹ thuật số hoàn toàn mới. Dòng chảy thông tin tâm linh giờ đây không chỉ gói gọn qua thư điện tử (e-mail) mà đã biến hóa khôn lường. Một minh chứng đen tối trong lịch sử chính là giáo phái tận thế Aum Shinrikyo (nay là Aleph), thực thể từng thao túng triệt để mọi phương tiện truyền thông.

Từ sách báo, phát thanh cho đến việc tự sản xuất anime và truyện tranh Manga, chúng đã biến văn hóa đại chúng thành công cụ tuyên truyền giáo lý để bủa vây giới trẻ. Dù tương lai của không gian mạng vẫn là một ẩn số, sự xuất hiện của những "*giáo hội vô hình*" vận hành hoàn toàn trên thế giới số là điều chắc chắn xảy ra. Kéo theo đó, thế giới sẽ phải đối mặt với các *"tôn giáo phi quốc gia"* - những thực thể tâm linh tồn tại xuyên biên giới mà không cần bất kỳ một tổng bộ vật lý hay quốc gia gốc nào.

4. Những chuyển biến trong giáo lý, nghi lễ và hoạt động

Vậy làn sóng toàn cầu hóa sẽ tái định hình giáo lý, nghi lễ và các phương thức thực hành tôn giáo ra sao? Xu hướng dễ xảy ra nhất chính là sự hòa quyện, giao thoa giữa các yếu tố đa dạng từ nhiều dòng chảy đức tin khác nhau - một hiện tượng mà tôi gọi là "*tính tân hỗn dung*" (neo-syncretism). Về cốt lõi, đây là một biểu hiện mới của hiện tượng hỗn dung tôn giáo truyền thống. Tuy nhiên, tôi thêm tiền tố "*tân*" (neo) để làm bật lên những đặc tính độc nhất vô nhị của nó, khi đức tin giờ đây được nhào nặn và nuôi dưỡng ngay trong lòng kỷ nguyên thông tin.

Hiện tượng hỗn dung vốn là quy luật tự nhiên trong những xã hội nơi các dòng chảy tâm linh cùng nhau hòa nhịp. Mối giao hòa giữa Thần đạo và Phật giáo là nét đặc trưng nổi tiếng của Nhật Bản; tương tự như sự hòa quyện giữa Đạo giáo, Nho giáo và Phật giáo tại Trung Quốc, hay giữa Phật giáo và Ấn Độ giáo trên dải đất bao la vùng Nam Á và Đông Nam Á. Vậy đâu là lanh giới giữa những hình thái hỗn dung cổ điển này với "*tính tân hỗn dung*"? Điểm mấu chốt nằm ở chỗ: với tính tân hỗn dung, các giáo lý và nghi lễ được nhào nặn một cách đầy chủ đích và táo bạo. Tiến trình này diễn ra thuần túy dựa trên các kho dữ liệu số có sẵn, mà không cần bất kỳ một cuộc chạm mặt hay tiếp xúc thực tế nào giữa các cộng đồng đức tin ngoài đời thực.

Hỗn dung vốn là thuộc tính phổ quát của các Tôn giáo Mới tại Nhật Bản, khi phần lớn các hệ phái đều bồi đắp đức tin từ cả Thần đạo lẫn Phật giáo. Hầu hết các phong trào tâm linh thời Minh Trị (1867-1912) đều vận hành theo công thức này: tiếp thu giáo lý, nghi lễ cổ truyền rồi cải biên cho phù hợp với hơi thở thời đại. Thế nhưng, những năm gần đây đã chứng kiến một bước chuyển mình táo bạo. Nhiều tôn giáo mới bắt đầu vay mượn các mảnh ghép từ Kitô giáo, Phật giáo nguyên thủy, Phật giáo Nam truyền (Theravada), cho đến làn sóng "*Thời đại Mới*" (New Age) của Mỹ - những hệ tư tưởng hoàn toàn nằm ngoài bộ khung truyền thống bản địa. Trong một số trường hợp cực đoan, hệ thống giáo lý của họ hiện lên như một bức tranh "*vụn vá*" rời rạc. Tuy nhiên, chính sự chắp vá đầy chủ đích ấy lại là biểu mẫu không thể hoàn hảo hơn cho "*tính tân hỗn dung*".

Xét về nguồn gốc, tầm ảnh hưởng của Đại Bản giáo (Oomoto) - một phong trào tân giáo nổi tiếng của Nhật Bản - rất có thể là nhân tố quyết định thúc đẩy sự bùng nổ của tính tân hỗn dung trong các tôn giáo mới sau này. Khởi phát vào cuối thế kỷ XIX và đạt đỉnh cao phong độ từ năm 1910 đến những năm 1930, Đại Bản giáo gắn liền với tuyên ngôn cốt lõi: "*Vạn giáo đồng nguyên*", mọi tôn giáo trên đời đều chung một cội rễ. Niềm tin này đã tìm thấy sự đồng điệu sâu sắc trong lòng các tôn giáo thế hệ mới, trở thành chiếc chìa khóa vạn năng hóa giải mọi rào cản tâm lý, giúp họ tự tin và cởi mở hơn trong việc tiếp thu các tinh hoa từ nhiều dòng chảy đức tin hoàn toàn xa lạ.

Song song với đó, một hệ quả tất yếu của "*kỷ nguyên thông tin*" là việc san phẳng mọi rào cản tiếp cận tri thức và hoạt động của các tôn giáo. Giờ đây, ngay cả những người ngoại đạo, không qua bất kỳ trường lớp đào tạo chuyên sâu nào, cũng có thể dễ dàng nắm gọn các nguồn tư liệu này trong lòng bàn tay. Thực tế đó đã trở thành bệ phóng cho sự ra đời của các phong trào tâm linh mới. Ở đó, người sáng lập không còn bị trói buộc vào một hệ khuôn mẫu độc tôn của xã hội bản địa, mà có thể tự do kiến tạo đức tin bằng cách thu nhặt và lắp ghép những yếu tố có sức hút cá nhân từ muôn vàn nguồn khác nhau.

Hiện tượng chắp vá đức tin này cũng lộ rõ trong lòng các tôn giáo mới tại Hoa Kỳ. Ở xã hội Mỹ, thuật ngữ "*tôn giáo mới*" thường mang hàm ý về sự dung hợp các yếu tố ngoại nhập. Cụ thể, đó là những hệ phái mang lớp vỏ Cơ Đốc giáo nhưng lại vay mượn tinh thần từ Ấn Độ giáo, Phật giáo hay các luồng tư tưởng phương Đông khác. Làn sóng này bùng nổ mạnh mẽ nhất tại vùng Bờ Tây nước Mỹ thời kỳ hậu chiến. Một minh chứng đen tối và cực đoan chính là giáo phái "*People's Temple*" (Đền thờ Nhân dân) - thực thể gắn liền với thảm kịch tự sát tập thể rúng động tại Guyana năm 1978. Kẻ cầm đầu Jim Jones được xác định là đã chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng Mao Trạch Đông từ Trung Quốc.

Nhìn lại lịch sử, nhiều quốc gia Đông Á và Đông Nam Á vốn luôn mở lòng với các làn sóng hỗn dung tôn giáo. Tại đây, Phật giáo, Ấn Độ giáo, Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Nho giáo và Đạo giáo đã cùng nhau thụ hưởng một bầu khí quyển văn hóa bao dung, cho phép các đức tin cùng song hành và giao thoa qua nhiều thế kỷ. Đặt trong bối cảnh đặc thù đó, việc các trào lưu "*tân hỗn dung*" có thể bứt phá và chiếm vị thế thượng phong trong tương lai hay không, và với quy mô ra sao, chắc chắn sẽ là một ẩn số vô cùng đáng giá để dõi theo.

5. Những chuyển biến trong môi trường trí thức

Quá trình toàn cầu hóa sẽ thay đổi cục diện của những người liên quan đến tôn giáo như thế nào? Ở đây, môi trường trí thức của những người trong cuộc đóng vai trò quyết định. Kỷ nguyên thông tin đã có một tác động vô cùng quan trọng trong việc thay đổi môi trường trí thức này, bởi vì một ý nghĩa trọng yếu của kỷ nguyên thông tin là ngày càng có nhiều người không chỉ đơn thuần là những người tiêu thụ thông tin, mà bản thân họ đã trở thành những người truyền phát thông tin. Nếu cuộc cách mạng này chỉ thuần túy về mặt công nghệ và phần cứng, chúng ta đã không gọi đó là '*kỷ nguyên thông tin*'. Khi đại đa số người dân không thể tận dụng được các đổi mới kỹ thuật liên quan, thì bản thân công nghệ đó có xu hướng bị một nhóm người truyền phát thông tin sử dụng độc quyền như một phương tiện để kiểm soát số đông những người tiếp nhận thông tin.

Văn hóa đại chúng chính là một trụ cột vững chắc nâng đỡ kỷ nguyên thông tin, đồng thời kích tốc quá trình toàn cầu hóa tôn giáo. Ở đây, khi mặt bằng dân trí được nâng cao và chuẩn hóa, bức tường đặc quyền tri thức của giới tinh hoa sẽ hoàn toàn bị sụp đổ. Theo lẽ tự nhiên, thông tin tôn giáo cũng không còn là tài sản độc quyền của các giáo sĩ chuyên nghiệp. Giờ đây, mỗi cá nhân đều có thể tự mình tiếp nhận, điều phối và phát loa các diễn ngôn tâm linh. Chúng ta sẽ ngày càng thấy nhiều nhà lập đạo xuất thân từ tầng lớp bình dân. Họ truyền đi những thông điệp giản dị, dễ thấm, được thiết kế khéo léo để chính các tín đồ

sau đó có thể dễ dàng lan tỏa, tiếp tục "*tiếp lửa*" và truyền bá rộng rãi đến những người xung quanh.

Trước làn sóng ấy, hệ thống quyền lực và quyền kiểm soát tối thượng mà các giáo hội từng nắm giữ trong quá khứ tất yếu sẽ bị lung lay và biến đổi sâu sắc. Trong lòng cơn lốc toàn cầu hóa, một "*thị trường tâm linh định hướng người dùng*" sẽ chính thức khai sinh, thách thức trực diện "*hệ thống định hướng nhà sản xuất*" cổ điển. Kéo theo đó, ranh giới quyền lực nghiêm ngặt phân định giữa "*bậc bề trên*" và "*kẻ phụng đạo*" nhiều khả năng sẽ ngày càng trở nên nhạt nhòa.

Để làm rõ hơn: việc tôi sử dụng thuật ngữ kinh tế "*hệ thống định hướng nhà sản xuất*" là nhằm phác họa cách chúng ta thường nhìn nhận về các tổ chức tôn giáo cổ truyền. Ở đó, bệ đỡ cho sự vận hành xã hội và dòng chảy lịch sử của một đức tin chính là Giáo hội trong Cơ Đốc giáo, Tăng đoàn trong Phật giáo, cộng đồng Ummah của Hồi giáo, Đền thờ trong Thần đạo, hay Tổng bộ của các phong trào tôn giáo mới. Trong mô hình này, các thiết chế trên đại diện cho thẩm quyền tối cao. Hệ thống giáo lý luôn dựa trên những truyền thống lâu đời được các tổ chức này gìn giữ, trong khi hàng ngũ giáo sĩ đóng vai trò là người diễn giải tri thức tâm linh cho công chúng. Về phần mình, bổn phận của các tín đồ chỉ đơn thuần là cúi đầu chấp nhận thực tại đó.

Ngược lại, "*thị trường tâm linh định hướng người dùng*" lại phác họa một thế giới nơi mỗi cá nhân được quyền làm chủ đức tin của chính mình. Dựa trên hệ giá trị và gu cảm thụ riêng, họ tự do cân nhắc, sàng lọc và thử nghiệm những mảnh ghép phù hợp nhất từ đại dương tôn giáo đang cạnh tranh khốc liệt ngoài kia. Nhìn từ lăng kính giáo hội truyền thống, lối hành xử thực dụng này thường bị quy chụp là thiếu nghiêm túc hoặc lung lay đức tin. Thế nhưng, đứng ở vị thế của một người dùng, việc chủ động chọn lựa những giá trị tinh hoa nhất giữa muôn vàn phương án thay thế lại là một tư duy hoàn toàn hợp lý.

Như đã phân tích, ranh giới giữa người phát loa và người tiếp nhận tri thức tâm linh đang ngày càng nhạt nhòa. Trong lòng các Tôn giáo Mới tại Nhật Bản, việc một tín đồ bình thường tự tách ra để khai sinh một phong trào độc lập cho riêng mình đã trở thành chuyện thường tình. Nhiều hội nhóm còn vận hành theo công thức "*toàn dân truyền giáo*" - nơi mỗi thành viên mới đều mang sứ mệnh của một giáo sĩ thực thụ. Họ chỉ cần trải qua một khóa đào tạo ngắn hạn là có thể lập tức dấn thân vào hành trình lan tỏa đức tin. Những xu thế này đã xóa nhòa lăng kính phân định giữa "*nhà sản xuất*" và "*người dùng*" tôn giáo, dưới bệ phóng của tiến trình "*bình dân hóa trí thức*" đang diễn ra mạnh mẽ tại Nhật Bản.

Gần đây nhất, chúng ta còn chứng kiến làn sóng lan tỏa tâm linh mà không cần cậy nhờ vào bất kỳ phái đoàn truyền giáo chính quy nào. Tiêu biểu như các Tôn giáo Mới tại Nhật Bản, họ thu hút tín đồ quốc tế một cách âm thầm thông qua các kết nối phi chính thức từ chính những nhân viên, công nhân người Nhật được cử sang làm việc tại các nhà máy, công ty khắp Châu Á. Một mặt, đây là minh chứng sống động cho thấy bộ máy "*toàn dân truyền giáo*" đang vận hành hiệu quả; mặt khác, nó mở ra một chương mới cho thấy dòng chảy tôn giáo toàn cầu giờ đây hoàn toàn có thể tự bứt phá mà không còn bị ràng buộc vào đội ngũ chức sắc chuyên nghiệp.

Một hiện tượng tương tự cũng lộ rõ qua trường hợp của Sai Baba. Phong trào tâm linh Ấn Độ này bỗng chốc bùng nổ và lan tỏa chóng mặt tại Nhật Bản chỉ sau khi xuất hiện trong cuốn sách của một nhà khoa học trẻ người Nhật. Nói một cách thẳng thắn: chiếc chìa khóa dẫn đến sự hưng thịnh của một tôn giáo thời nay thường không còn nằm ở phẩm hạnh hay năng lực của một bậc chức sắc, mà phụ thuộc hoàn toàn vào tài nghệ thao túng truyền thông của người đứng đầu.

Thực tế này phản chiếu sự sụp đổ thẩm quyền của các bậc chức sắc trong lòng các giáo hội truyền thống. Một hệ quả tất yếu của kỷ nguyên thông tin là sự suy giảm vị thế ngày càng rõ rệt của hàng ngũ tăng sĩ, linh mục hay mục sư. Chúng ta đang bước vào thời đại mà không một nhóm tinh hoa nào có thể độc quyền tri thức tâm linh. Giờ đây, các tín đồ bình thường hoàn toàn có thể tự mình chạm vào lõi cốt tủy của đức tin, kể cả những mật pháp bí truyền vốn trước đây là cấm địa đối với người ngoại đạo.

Hệ quả là, thứ quyền lực giáo hội từng được duy trì nhờ việc canh giữ "*chiếc hộp mật mã*" ấy buộc phải chịu một sự thoái trào chung. Lẽ dĩ nhiên, sự sa sút này là đang nói về hào quang tổng thể của các định chế cổ truyền, chứ hoàn toàn tách biệt với phẩm giá hay uy tín cá nhân của từng vị chức sắc. Bởi lẽ, một sự thật hiển nhiên là thời đại nào và tôn giáo nào cũng luôn song hành cả những bậc thánh tăng lẫn những kẻ làm hoen ố cửa thiền.

Nhìn một cách tổng thể, kỷ nguyên thông tin đang dần khỏa lấp khoảng cách giữa những bậc chức sắc và hàng thiện nam tín nữ. Ngày nay, việc một người cư sĩ bình thường sở hữu tuệ giác và hiểu biết sâu sắc về Phật giáo hay Thần đạo vượt trội hơn cả các bậc tu sĩ chuyên nghiệp đã không còn là điều hy hữu. Xu hướng này chắc chắn sẽ còn tiếp diễn trong tương lai. Sự chuyển dịch ấy không đơn thuần xuất phát từ sự lơ là của giới giáo phẩm, mà chính là hệ quả tất yếu khi xã hội thông tin xóa nhòa ranh giới giữa người nghiên cứu chuyên nghiệp và đại chúng.

Đứng trước làn sóng này, các tôn giáo truyền thống đang đối mặt với bài toán nan giải trong việc dựng xây và đào tạo thế hệ kế thừa. Giữa dòng chảy toàn cầu hóa, tầm ảnh hưởng của mỗi tôn giáo đều đang bị đặt lên bàn cân của sự hoài nghi; việc khẳng định một niềm tin là độc tôn hay chính thống duy nhất đã trở thành điều rào cản. Khi tri thức được phổ quát, con người có xu hướng soi chiếu tôn giáo bằng nhãn quan phê phán và khách quan hơn. Thế nhưng, nếu chỉ nhìn nhận trong phạm vi Nhật Bản, các tôn giáo cổ truyền dường như vẫn đang loay hoay, phản ứng một cách mơ hồ và thiếu nhất quán trước bước chuyển mình của thời đại.

6. Kết luận

Sự toàn cầu hóa của tôn giáo vốn là một tiến trình lịch sử tất yếu, và mục đích của tôi ở đây không nhằm đưa ra bất kỳ sự phán xét hay định giá nào về tính đáng mong đợi của xu hướng này. Thế nhưng, nếu những chuyển dịch nêu trên cứ tiếp diễn, xã hội tự khắc sẽ phải gánh chịu những hệ lụy tiêu cực nhất định. Chúng ta có thể dự cảm về sự trỗi dậy của các tổ chức cực đoan, tương tự như giáo phái Aum Shinrikyo trước đây. Một khi các hội nhóm này sa chân vào những hoạt động tội phạm và đi ngược lại các giá trị nhân văn của xã hội, đó chính là hồi chuông cảnh báo rõ ràng nhất cho những hiểm họa tiềm ẩn mà kỷ nguyên thông tin đang đặt ra.

Aum Shinrikyo (Chân lý Tối thượng) là một phong trào tôn giáo cực đoan, mang tính tân dung hợp khi vay mượn và trộn lẫn đức tin giữa Phật giáo, Ấn Độ giáo và thuyết mạt thế. Giáo lý cốt lõi của họ xoay quanh nỗi ám ảnh về ngày tận thế, cực đoan cho rằng bạo lực là con đường duy nhất để tự cứu rỗi. Dù tiếp thu khái niệm Ngày phán xét (Armageddon) từ Cơ Đốc giáo, tổ chức này vẫn ngoan cố khẳng định bản thân là những tín đồ trung thành của Phật giáo nguyên thủy.

Trong hành trình gieo rắc tư tưởng, Aum đã sớm biết tận dụng thành tựu của kỷ nguyên thông tin bằng cách dùng băng video làm công cụ tuyên truyền, nhồi nhét thế giới quan dị giáo vào tâm trí các môn đồ mới. Không dừng lại ở đó, họ nhanh chóng vươn vòi bạch tuộc ra hải ngoại, đặc biệt là tại Nga ngay sau bối cảnh sụp đổ của chính quyền cộng sản. Việc thu hút thần tốc từ 30.000 đến 50.000 tín đồ tại đây chính là một chiến lược bành trướng điển hình, minh chứng cho mặt trái đầy hiểm họa của tôn giáo trong thời đại toàn cầu hóa.

Mặt khác, mối liên kết dễ dàng giữa đức tin cực đoan và tội phạm chính là minh chứng sắc lạnh cho những hiểm họa tiềm ẩn trong kỷ nguyên thông tin. Để phục vụ mưu đồ của mình, giáo phái Aum chủ đích săn đón những bộ óc ưu tú nhất trong ngành khoa học tự nhiên. Giới thủ lĩnh của nhóm đã âm thầm thu

thập dữ liệu số về những sinh viên thủ khoa thuộc các lĩnh vực khoa học mũi nhọn, từ đó tập trung mọi nguồn lực truyền giáo để thao túng đối tượng này.

Thậm chí, trong kế hoạch điều chế khí độc, chúng đã tận dụng mạng lưới truyền thông điện tử để tích lũy, khai thác kho dữ liệu khoa học và kỹ thuật chuyên sâu. Đây là điều mà các tân tôn giáo trước đây tại Nhật Bản chưa bao giờ dám nghĩ tới. Dù luôn có một khoảng cách lớn giữa tiềm năng lý thuyết và việc hiện thực hóa hành vi, nhưng thảm kịch Aum đã chứng minh rằng: bối cảnh của kỷ nguyên thông tin đang tiếp tay, giúp các hội nhóm cực đoan dễ dàng dấn thân vào con đường tà đạo. Nói một cách ngắn gọn, hoạt động tội phạm cũng đã trở thành một mặt hàng, một đối tượng bị cuốn theo làn sóng toàn cầu hóa.

Thực tế, tiến trình toàn cầu hóa tôn giáo còn đặt ra vô vàn bài toán nan giải, vượt xa tầm mức của thảm kịch Aum Shinrikyo. Một khi các tôn giáo truyền thống đánh mất đi bệ đỡ vững chắc về tính chính danh và uy quyền tối thượng, vai trò gắn kết xã hội của đức tin cũng theo đó mà lung lay. Hệ lụy này đặc biệt nghiêm trọng đối với các thực thể như quốc gia hay các cộng đồng lâu đời; khi ấy, tôn giáo thay vì là dòng mạch nuôi dưỡng sự hòa hợp, lại có nguy cơ trở thành mồi lửa kích động những rạn nứt và căng thẳng.

Khi làn sóng văn hóa và đức tin từ Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Ấn Độ hay Đài Loan không ngừng tràn vào Nhật Bản, sợi dây gắn kết giữa người dân nơi đây với cội nguồn tôn giáo truyền thống ngày càng lỏng lẻo, đặc biệt là ở thế hệ trẻ. Những nghi lễ đón năm mới cổ truyền đang thưa vắng dần, nhường chỗ cho sự lên ngôi của Giáng sinh cùng các ngày lễ ngoại lai. Đại chúng dường như ngày càng thờ ơ với các ngày tiết Phật giáo như Tiết phân (Setsubun) hay Bỉ ngạn (Higan), nhưng lại nồng nhiệt đón nhận ngày lễ Tình nhân hay Halloween.

Dĩ nhiên, những ngày lễ phương Tây ấy không được tiếp nhận dưới góc độ '*tôn giáo*', mà chỉ đơn thuần là các lễ hội thế tục, những điểm nhấn đặc biệt trong đời sống thường nhật. Thế nhưng, thực tế này lại phơi bày một phương diện khác của toàn cầu hóa: sự mờ nhạt dần của ranh giới giữa cõi thiêng và cõi phàm, giữa tôn giáo và thế tục. Do tôn giáo nắm giữ những vị thế khác nhau tại mỗi quốc gia, bản thân khái niệm về nó buộc phải tự chuyển mình để thích ứng với tiến trình toàn cầu hóa. Dù vậy, chúng ta không nên quy chụp hiện tượng này là sự suy đồi của truyền thống để rồi tìm cách ngăn chặn. Toàn cầu hóa không gói gọn trong một vùng lãnh thổ hay lĩnh vực biệt lập, mà vận hành như một cuộc tái định hình cấu trúc thế giới. Sự chuyển dịch của tôn giáo, suy cho cùng, chính là một mảnh ghép trong dòng chảy vĩ mô đó. Dù có thể mang những sắc thái đặc dị riêng, nó vẫn vận hành theo những nguyên lý cốt lõi cấu thành nên diện mạo của toàn cầu hóa.

Trước sức ép của toàn cầu hóa, việc các phương thức truyền giáo đổi thay, các mối quan hệ nhân sinh dịch chuyển, và nội dung thông tin tôn giáo biến đổi đã trở thành một thực tế tất yếu. Do đó, điểm mấu chốt là xã hội cần phải nâng cao nhận thức và hiểu biết toàn diện về bản chất của tiến trình toàn cầu hóa này. Chúng ta không thể tiếp tục phớt lờ, mà phải đặc biệt nhận diện rõ những khía cạnh có nguy cơ cao châm ngòi cho các hệ quả tiêu cực, đe dọa đến sự ổn định của cộng đồng.

Đôi nét về tác giả

- Inoue Nobutaka (sinh năm 1948) là học giả hàng đầu Nhật Bản trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo, đặc biệt là Thần đạo hiện đại.

- Ông hiện là Giáo sư Danh dự tại Đại học Kokugakuin. Xuất thân từ ngành Tôn giáo học tại Đại học Tokyo, Giáo sư Inoue sớm khẳng định năng lực nghiên cứu qua luận văn về quyền tự do tôn giáo thời kỳ Minh Trị, đồng thời chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng của nhà thần học thời Edo - Hirata Atsutane.

- Năm 1982, ông chuyển sang công tác tại Đại học Kokugakuin. Tại đây, ông đặt nền móng cho nhiều tổ chức uy tín như Hiệp hội Nghiên cứu Tôn giáo và Xã hội Nhật Bản, cùng Trung tâm Nghiên cứu Thông tin Tôn giáo - kho lưu trữ trọng điểm về tôn giáo Nhật Bản hiện đại.

- Trong sự nghiệp đồ sộ của mình, Giáo sư Inoue nổi tiếng với vai trò đồng chủ biên cuốn Từ điển bách khoa về các Tôn giáo mới (1990), hệ thống hóa thông tin của hơn 400 nhà lãnh đạo và 300 nhóm tôn giáo mới.

- Đặc biệt vào năm 1995, ông đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng dư luận và xoa dịu khủng hoảng xã hội sau vụ tấn công khủng bố của giáo phái Aum Shinrikyo tại Tokyo.

- Bên cạnh đó, ông cũng là người tiên phong số hóa tri thức khi phát triển phiên bản trực tuyến cho cuốn Từ điển bách khoa về Thần đạo. Các tác phẩm tiêu biểu của ông đã được xuất bản quốc tế bao gồm: Shinto: A Short History (2003), Folk Beliefs in Modern Japan (1994) và Contemporary Japanese Religion (2000).

Tác giả: **Giáo sư Inoue Nobutaka**/Việt dịch: **Thích Vân Phong**
Nguồn: www2.kokugakuin.ac.jp